

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TƯƠNG DƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST
Ngày 31- 8 - 2020
V/v: *Tranh chấp hôn nhân và gia
đình.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯƠNG DƯƠNG - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Lam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lô Dương Đạo;

Ông Lương Khăm Niên.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lương Thị Ái - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tương Dương tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:** Ông Võ Trọng Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 40/2020/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXX-ST ngày 10 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị N T T, sinh năm: 1995. Có mặt

Địa chỉ: Bản N T, xã T T, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

2. *Bị đơn:* Anh V V T, sinh năm: 1984 .Có mặt

Địa chỉ: Bản N T, xã T T, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 4 năm 2020 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị N T T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T quen biết, yêu thương nhau và tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã T T, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An vào ngày 14/01/2015 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau,

anh T thường uống rượu rồi đánh đập chị T và hai người cũng ly thân từ đó, nay chị không còn tình cảm vợ chồng nữa nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị T và anh T có 02 con chung là cháu V T T Q, sinh ngày 27/10/2014 và cháu V D T, sinh ngày 15 tháng 01 năm 2017, hiện cả hai đang sống cùng chị T và bà ngoại tại Bản N T, xã T T, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung cho đến khi trưởng thành và không yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời và tại phiên tòa bị đơn anh V V T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T thừa nhận như chị T trình bày nhưng nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là do anh thỉnh thoảng uống rượu rồi xảy ra cãi vã, mặc dù đã ly thân từ năm 2018 đến nay nhưng anh vẫn đang còn tình cảm với chị T nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh T đồng ý như lời trình bày của chị T về con chung, nếu ly hôn đặt ra thì anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung nếu chị T không nhất ý thì yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng một người con là V D T không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung: Đồng ý với ý kiến chị T. Riêng tài sản chung tại phiên tòa anh T trình bày: Bố mẹ chị T đã cho gia đình anh mượn một thửa đất trong vườn để dựng một ngôi nhà tạm, trong thời gian hôn nhân tồn tại anh và chị T đã có công sức tôn tạo như đổ thêm đất để hình thành nền nhà nay anh yêu cầu chị T phải hoàn trả cho anh một khoản tiền tương ứng với công sức anh đã bỏ ra.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng, đầy đủ theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, tuân thủ thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án. Các đương sự chấp hành tốt và tham gia tố tụng đầy đủ kể từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ thể như sau: Về tình cảm: Cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn; Về con chung: Giao các cháu V T T Q và V D T cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho bị đơn; Không xem xét quan hệ tài sản chung, nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra các đương sự tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tổ tụng: Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh V V T có hộ khẩu thường trú tại Bản N T, xã T T, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An. Căn cứ các Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị N T T và bị đơn anh V V T thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

[2] Quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T kết hôn với nhau vào năm 2014 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc và được UBND xã Tam Thái, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/01/2015 vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Nội dung:

1. Tình trạng hôn nhân: Vợ chồng chị T và anh T không còn yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nữa thể hiện qua bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa đã được nguyên đơn và bị đơn thừa nhận do đó đã vi phạm vào Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Thực tế thì nguyên đơn và bị đơn đã sống ly thân một thời gian dài, xét thấy tình trạng hôn nhân của chị T và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án đã hoà giải đoàn tụ nhưng không thành cho nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T về quan hệ tình cảm.

2. Con chung: Chị T và anh T có 02 người con chung là V T T Q, sinh ngày 27/10/2014 và V D T, sinh ngày 15/01/2017. Nguyên đơn và bị đơn đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu người còn lại thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp nếu không được theo nguyện vọng thì bị đơn là anh T xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu V D T, còn chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu V T T Q và không bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy con chung của nguyên đơn và bị đơn không có cháu nào dưới 36 tháng tuổi và đủ 07 tuổi và yêu cầu của các đương sự là chính đáng. Hiện nay hai cháu đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng và học tập tại các trường học trên địa bàn xã T T, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An. Nơi ở của gia đình các đương sự là ngôi nhà tạm dựng trên diện tích đất thuộc quyền sở hữu bố, mẹ chị T cho mượn nên khi nguyên đơn, bị đơn được ly hôn thì con chung của đương sự cần có chỗ ở. Mặt khác hai cháu đang còn nhỏ tuổi nếu giao cho chị T, anh T mỗi người nuôi một cháu sẽ chia rẽ tình cảm chị em sẽ ảnh hưởng đến tâm lý phát triển bình thường của trẻ nhỏ. Bởi vậy căn cứ vào Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao hai con chung cho chị T là

người trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T.

3. Nợ chung: Chị N T T và anh V V T chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Công sức đóng góp vào tài sản chung: Yêu cầu của bị đơn là chính đáng và đây là yêu cầu phản tố nhưng yêu cầu này được đưa ra tại phiên toà có nghĩa sau thời điểm phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải kết thúc, căn cứ vào Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không xem xét mà giành quyền khởi kiện đối với anh T tại Toà án có thẩm quyền.

[4] Án phí và quyền kháng cáo: Buộc chị N T T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, cụ thể như sau:

1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị N T T và anh V V T được ly hôn.

2. Con chung:

- Giao các con chung của nguyên đơn và bị đơn là V T T Q, sinh ngày 27/ 10/ 2014 và cháu V D T, sinh ngày 15/ 01/ 2017 cho chị N T T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Anh T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở

- Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh V V T.

3. Anh V V T có quyền khởi kiện vụ án độc lập về việc yêu cầu công sức đóng góp vào khối tài sản chung tại Toà án có thẩm quyền.

4. Án phí: Buộc chị N T T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã theo biên lai số 0000628 ngày 28/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 31 tháng 8 năm 2020.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND H.Tương Dương;
- UBND xã T T;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS H.Tương Dương;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn Lam

